

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21 /2019/HNGĐ-ST**
Ngày 28-3-2019
V/v “ Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng.

Bà Lê Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 2 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Công V - sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số nhà 18, đường H, Tổ 08, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Kinh C - sinh năm:1948; Địa chỉ: 30008 F, CA, USA (Hoa Kỳ) (vắng mặt lần 3).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Thị Công V, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông bà kết hôn ngày 18 tháng 12 năm 2007 tại Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại nhà bà V số 18, đường H, Tổ 08, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Một thời gian ngắn thì ông C quay lại Mỹ. Thời gian đầu sau khi quay trở lại Mỹ, hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, ông C đã làm giấy tờ để chuẩn bị bảo lãnh bà sang Mỹ để ông bà đoàn tụ nhưng không được. Vợ chồng ông bà ở xa nhau không có điều kiện động viên, chăm sóc nhau, do đó tình cảm ngày càng phai nhạt. Bà xác định không còn tình cảm với ông C nữa, nên đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Kinh C.

- Về con chung : Bà xác định bà và ông Hồ Kinh C không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định là bà và ông Hồ Kinh C không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Kinh C không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Công V, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Công V đối với ông Hồ Kinh C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Trương Thị Công V, địa chỉ cư trú tại số nhà 18 đường H, Tổ 08, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Hồ Kinh C, địa chỉ cư trú tại 30008 Fruit Ave Fresno, CA93705, USA (Hoa Kỳ), nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà V và bị đơn ông C, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Hồ Kinh C bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà V đối với ông C và yêu cầu ông C gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Kinh C không đến Tòa án để giải quyết theo thông báo của Tòa án và cũng không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Ngày 02/01/2019, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số: 18/BTP-PLQT v/v kết quả ủy thác tư pháp, kèm theo văn bản ngày 12/10/2018 của Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ, theo đó văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt cho ông Hồ Kinh C vào ngày 11/10/2018 tại địa chỉ 30008 F, CA, USA (Hoa Kỳ). Như vậy, ông C đã biết việc bà V khởi kiện về việc ly hôn với ông, biết thời gian, địa điểm Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên họp, phiên

tòa nhưng ông C đều vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V đối với ông Hồ Kinh C thì thấy: Sau ông C trở về Hoa Kỳ, bà V cho rằng tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt do cách trở về địa lý, mỗi người sống một nơi, việc quan tâm chăm sóc lẫn nhau không thể thực hiện được; mặt khác, ông C hứa hẹn bảo lãnh cho bà V qua Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông không thực hiện. Do đó, HĐXX thấy, hôn nhân của ông C, bà V chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông C là có căn cứ với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà V xác định không có con chung, nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về tài sản chung và nợ chung : Bà V xác định không có tài sản chung và nợ chung, ông C không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX không đề cập đến.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà V phải chịu 300.000đ, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà V phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài: Bà V không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Công V đối với ông Hồ Kinh C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Công V được ly hôn với ông Hồ Kinh C.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm : Bà Trương Thị Công V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 001369 ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà Trương Thị Công V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng và 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp về thu thập chứng cứ nhưng được khấu trừ vào tạm ứng bà V đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 001461 và 200.000 đồng theo biên lai số 001462 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà V đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Bà Trương Thị Công V không phải chịu chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài. Hoàn trả cho bà Trương Thị Công V 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 001463 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Bà Trương Thị Công V phải chịu 960.000 đồng (Chín trăm sáu mươi ngàn đồng) chi phí dịch thuật và 60.000 đồng (Sáu mươi ngàn đồng) chi phí chứng thực, nhưng được khấu trừ vào 960.000 đồng và 60.000 đồng đã nộp cho Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, theo

Hóa đơn bán hàng số 0035038 và biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0017109 ngày 20/7/2018 của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà V đã nộp đủ chi phí dịch thuật và chứng thực.

6. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà Trương Thị Công V phải chịu 2.183.575 đồng (Hai triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng), bà V đã nộp tiền và đã thanh toán cho Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ, theo Chứng từ ngày 29/6/2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Đà Nẵng.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Thị Công V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Hồ Kinh C không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

(Bản án có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2019)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng

